



qióng rén

穷人

noun · poor people

Example Sentences

tā duì qióng rén chōng mǎn lián mǐn zhī xīn
他对穷人充满怜悯之心。

He is full of compassion for the poor.

zhèng fǔ yīng gāi bāng zhù qióng rén gǎi shàn shēng huó tiáo jiàn
政府应该帮助穷人改善生活条件。

The government should help poor people
improve their living conditions

zhèng fǔ jiù jì le qióng rén
政府救济了穷人。

The government provided relief to the poor.

Trace each character, then write the word on your own.

穷	穷	穷	穷	穷	穷	穷	穷	穷	穷
人	人	人	人	人					